TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 413/2023/DS-PT
Ngày 18 - 12 - 2023
V/v "Yêu cầu hủy văn bản phân chia di sản thừa kế;
Hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất; Chia di sản thừa kế"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đinh Thị Tuyết
Các Thẩm phán: Ông Văn Công Dần.
Bà Nguyễn Thị Thu Trang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ái Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 18tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 356/2023/TLPT-DS, ngày 25/10/2023 về việc "*Yêu cầu hủy văn bản phân chia di sản thừa kế; Hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất; Chia di sản thừa kế*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 162/2023/DS-ST ngày 31/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 368/2023/QĐ-PT ngày 16 tháng 11 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số …../2023/QĐPT-DS ngày 06/12/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị N - Sinh năm: 1968, địa chỉ: Liên gia F, tổ dân phố G, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà N*:* Ông Đào Nguyễn Minh T, địa chỉ: Số B đường N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk(có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Lê Hoàng Nguyên T1, địa chỉ: Liên gia F, tổ dân phố G, phường T, thành phố B(vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Hoàng Nguyên T1*:* Ông Lê Dương Tử V, địa chỉ: Liên gia F, tổ dân phố G, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk(có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Lê Trần Nam T2 - Sinh năm: 1977(có mặt).
2. Bà Lê Thị Huyền C. (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị Huyền C*:* Ông Lê Dương Tử V, địa chỉ: Liên gia F, tổ dân phố G, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk(có mặt).

3. Ông Lê Dương Tử V - Sinh năm: 1982.

Cùng địa chỉ: Liên gia F, tổ dân phố G, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk(có mặt).

4. Phòng C1 tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Lê Thị Tuyết M.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Minh T3 - Sinh năm:1991, địa chỉ: Số D đường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

Do có kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Thị Na .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thống nhất trình bày:*

Bà Lê Thị N là con gái của ông Lê Nguyên N1, sinh năm 1938, chết năm 2019 và mẹ là bà Lê Thị B, sinh năm 1945, chết năm 1994 (theo Giấy chứng tử đính kèm), bà N mồ côi bố mẹ nên ông Lê Nguyên N1 và bà Lê Thị B nhận bà N làm con nuôi và nuôi, chăm sóc bà N từ khi mới sinh ra như con đẻ. Ông N1 và bà B đã đi đăng ký khai sinh cho bà N có tên cha là Lê Nguyên N1 và mẹ Lê Thị B, bà N được ông N1 bà B nhập khẩu và chung sống tại nhà như con đẻ và được ông bà cho đi học từ nhỏ tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, bà N tốt nghiệp cấp 2 năm 1985, đến năm 1986 thì theo học tại trường T5 tại xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Trong quá trình học tại trường được 01 năm thì mẹ bà N đến trường xin nghỉ học để về phụ giúp gia đình làm ăn. Ông Lê Nguyên N1 và bà Lê Thị B trong quá trình chung sống có được 05 người con, đó là: Lê Thị N, Lê Trân Huyền T4, Lê Trần Nam T2, Lê Hoàng Nguyên T1, Lê Dương Tử V. Khi ông Lê Nguyên N1 và bà Lê Thị B còn sống, đã tạo lập được tài sản là Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất đối với thửa đất số 24, tờ bản đồ số 49, diện tích 1.141 m^2 (trong đó có 300 m^2 đất ở đô thị, 841 m^2 đất trồng cây lâu năm), địa chỉ thửa đất: phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 783336, số vào sổ CH-05474 do UBND thành phố B cấp ngày 12/01/2010 cho hộ ông Lê Nguyên N1, trước khi chết bà Lê Thị B không để lại di chúc, bố của bà B đã chết từ lâu, riêng mẹ của bà Lê Thị B là bà Lê Thị S chết ngày 08/01/2013. Hiện nay, việc phân chia di sản thừa kế nói trên có sự tranh chấp giữa bà N với những người con là Lê Trân Huyền T4, Lê Trần Nam T2, Lê Hoàng Nguyên T1, Lê Dương Tử V mà các bên không thể thỏa thuận được.

Tại phiên tòa, bà Lê Thị N yêu cầu khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- Phân chia di sản thừa kế của bà Lê Thị B theo quy định của pháp luật, di sản thừa kế của bà Lê Thị B là một phần hai quyền sử dụng đất và tài sản trên đất đối với thửa đất số 24, tờ bản đồ số 49, diện tích 1.141 m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 783336, số vào sổ CH-05474 do UBND thành phố B cấp ngày 12/01/2010;

- Hủy văn bản phân chia di sản thừa kế đã được Phòng C1, tỉnh Đắk Lắk công chứng số 00423, quyển số 01TP/CC-SCC/HĐ ngày 20/02/2013;

- Hủy đăng ký biến động trang 4 do Văn phòng đăng ký đất đai xác nhận ngày 12/01/2010 để thừa kế, tặng cho Lê Nguyên N1;

- Hủy Hợp đồng tặng cho Quyền sử dụng đất đã được Phòng C1, tỉnh Đắk Lắk công chứng số 00790, quyển số 01TP/CC-SCC/HĐ ngày 29/3/2013;

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN499127 do UBND thành phố cấp ngày 15/5/2013 cho ông Lê Trần Nam T2;

- Hủy Hợp đồng tặng cho Q sử dụng đất được Phòng công chứng số 01, tỉnh Đắk Lắk công chứng số 00789 quyển số 01/TP/CC-SCC/HĐ ngày 29/3/2013;

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 499128 do UBND thành phố B cấp ngày 15/5/2013 cho bà Lê Hoàng Nguyên T1;

- Hủy Hợp đồng tặng cho Q sử dụng đất được Phòng C1, tỉnh Đắk Lắk công chứng số 00788, quyển số 01TP/CC-SCC/HĐ ngày 29/3/2013;

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sơ hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 499151 do UBND thành phố B cấp ngày 15/5/2013 cho ông Lê Dương Tử V.

* *Quá trình tham gia tố tụng, tại phiên tòa ông* Lê Trần Nam T2, *ông* Lê Dương Tử V *(Người đại diện theo ủy quyền của bà* Lê Hoàng Nguyên T1 *và bà* Lê Thị Huyền C*) cùng thống nhất trình bày:*

Từ khi ông Lê Trần Nam T2, ông Lê Dương Tử V, bà Lê Hoàng Nguyên T1 và bà Lê Thị Huyền C được sinh ra thì không biết bà Lê Thị N là ai và không có ai tên Lê Thị N sinh sống cùng gia đình. Mẹ chúng tôi là Lê Thị B đã chết năm 1994 vì tai nạn giao thông. Đến năm 2013 cha chúng tôi là Lê Nguyên N1 có ký giấy cho các con là ông Lê Trần Nam T2, ông Lê Dương Tử V, bà Lê Hoàng Nguyên T1 và đã được đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền. Vì vậy, đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* *Quá trình tham gia tố tụng người đại diện theo ủy quyền* Phòng C1 *tỉnh Đắk Lắk trình bày:*

Qua kiểm tra hồ sơ lưu trữ, liên quan thì các Hợp đồng công chứng đã được Công chứng viên chứng nhận đúng với trình tự, quy định của pháp luật, do đó Phòng C1 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại bản án số: 162/2023/DS-ST ngày 31/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 và khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39; các Điều 38, 270, 271, 273, 293; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, đoạn 4 khoản 3 Điều 296; các Điều 147, 148, 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 649; Điều 650; Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 26, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[1] Tuyên xử: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị N về việc:

- Phân chia di sản thừa kế của bà Lê Thị B theo quy định của pháp luật, di sản thừa kế của bà Lê Thị B là một phần hai quyền sử dụng đất và tài sản trên đất đối với thửa đất số 24, tờ bản đồ số 49, diện tích 1141m2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 783336, số vào sổ CH-05474 do UBND thành phố B cấp ngày 12/01/2010.

- Hủy văn bản phân chia di sản thừa kế đã được Phòng C1, tỉnh Đắk Lắk công chứng số 00423, quyển số 01TP/CC-SCC/HĐ ngày 20/02/2013.

- Hủy Hợp đồng tặng cho Quyền sử dụng đất đã được Phòng C1, tỉnh Đắk Lắk công chứng số 00790, quyển sổ 01TP/CC-SCC/HĐ ngày 29/3/2013.

- Hủy Hợp đồng tặng cho Q sử dụng đất được Phòng công chứng số 01, tỉnh Đắk Lắk công chứng số 00789 quyển số 01/TP/CC-SCC/HĐ ngày 29/3/2013.

- Hủy Hợp đồng tặng cho Quyền sử dụng đất được Phòng C1, tỉnh Đắk Lắk công chứng số 00788, quyển số 01TP/CC-SCC/HĐ ngày 29/3/2013.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn giải quyết tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 5/9/2023, nguyên đơn bà Lê Thị N kháng cáo toàn bộ bản án số 162/2023/DS-ST ngày 31 tháng 8 năm 2023 của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Bà đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk hủy toàn bộ bản án số 162/2023/DS-ST ngày 31 tháng 8 năm 2023 của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho bà.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đào Nguyễn Minh T vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện và đơn kháng cáo của bà Lê Thị Na . Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn, hủy toàn bộ bản án số 162/2023/DS-ST ngày 31 tháng 8 năm 2023 của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn ông Lê Dương Tử V và những người có quyền, nghĩa vụ liên quan đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn khởi kiện, đơn kháng cáo của bị đơn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Qua phân tích đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Đề nghị HĐXX phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Thị N; Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 162/2023/DS-ST ngày 31 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, HĐXX nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Thị N làm trong thời hạn luật định và bà N đã nộp tiền án phí phúc thẩm nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Thị Na H thấy rằng:

[2.1] Về nguồn gốc lô đất: Nguồn gốc tài sản của ông Nguyễn Ấn t khai hoang từ trước năm 1975 sử dụng ổn định đến năm 1980 chuyển nhượng lại cho ông Lê Nguyên N1, sử dụng đến năm 1989 làm nhà ở sử dụng ổn định đến nay. Thửa đất số 24, tờ bản đồ số 49, diện tích 1141 m^2 (trong đó có 300m^2 đất ở đô thị, 841m^2 đất trồng cây lâu năm), địa chỉ thửa đất: phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 783336, số vào sổ CH-05474 do UBND thành phố B cấp ngày 12/01/2010 cho hộ ông Lê Nguyên N1.

[2.2] Xét đơn kháng cáo của bà Lê Thị Na H *thấy rằng:*

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Lê Thị N cho rằng: Do gia đình khó khăn nên từ khi sinh ra tại xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa thì bà N được ông Lê Nguyên N1, bà Lê Thị B nhận nuôi vào năm 1968, cha ruột bà N đã mất từ khi bà Na s và mẹ ruột bà N ở cùng xã H với ông N1, bà B. Đến năm 1979 ông N1, bà B và bà N vào huyện E, tỉnh Đắk Lắk sinh sống; năm 1980 ông N1 mua đất và cả gia đình chuyển đến phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk sinh sống. Đến năm 1985 bà N đi học tại xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk và năm 1989 bà N lấy chồng nên sinh sống tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk cách nhà ông N1 gần 01 kilômét cho đến nay. Đối với hộ khẩu của bà N tại huyện C, tỉnh Đắk Nông chỉ là chuyển khẩu theo thủ tục hành chính, thực tế bà N không sinh sống tại huyện C, tỉnh Đắk Nông.

Tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm bà N cung cấp 01 bản sao giấy khai sinh đăng ký ngày 18/12/2014, tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; Bản sao Giấy khai sinh tên Lê Thị N – Sinh ngày: 15/3/1968, nơi đăng ký Ủy ban nhân dân phường T ngày 26/8/2022, thể hiện cha Lê Nguyên N1 và mẹ Lê Thị B. Các giấy tờ đều do bà Na t1 kê khai cấp lại khai sinh, ngoài ra không lưu giữ giấy tờ liên quan đến việc đăng ký khai sinh nào khác.

Tại Công văn số 60/UBND-TP ngày 10/7/2023 của Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa thể hiện bộ sổ đăng ký khai sinh năm 1968 không còn lưu giữ và công dân Lê Thị N – Sinh ngày: 15/3/1968 cũng chưa đăng ký khai sinh tại địa phương.

Tại Công văn ngày 14/8/2023 của Công an xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa thể hiện qua kiểm tra hệ thống dữ liệu dân cư và tàng thư lưu trữ không có công dân có tên Lê Thị N – Sinh ngày: 15/3/1968 tại tàng thư của công an xã.

Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk không xác định được nơi đăng ký nhận con nuôi và cung cấp hồ sơ liên quan đến đăng ký lại khai sinh của bà N.

Như vậy, Hội đồng xét xử xét thấy việc xác định con nuôi phải tuân theo các quy định của pháp luật về nuôi con nuôi, căn cứ vào các giấy tờ hộ tịch tại nơi sinh ra và nơi sinh sống, tuy nhiên nguyên đơn là bà Lê Thị N không cung cấp được việc đăng ký con nuôi tại chính quyền địa phương, quá trình sinh sống tại xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa từ năm 1968 đến năm 1979 không có tài liệu nào thể

hiện bà N là con nuôi của ông N1, bà B. Thực tế bà N cũng thừa nhận không sinh sống cùng ông N1, bà B từ khi đi học vào năm 1985, nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N về việc phân chia phần di sản thừa kế của bà Lê Thị B và các yêu cầu hủy văn bản phân chia thừa kế, hợp đồng tặng cho tài sản.

Đối với các yêu cầu khởi kiện: Hủy đăng ký biến động trang 4 do Văn phòng đăng ký đất đai xác nhận ngày 12/01/2010 để thừa kế, tặng cho Lê Nguyên N1; Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN499127 do UBND thành phố cấp ngày 15/5/2013 cho ông Lê Trần Nam T2; Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 499128 do UBND thành phố B cấp ngày 15/5/2013 cho bà Lê Hoàng Nguyên T1; Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sơ hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 499151 do UBND thành phố B cấp ngày 15/5/2013 cho ông Lê Dương Tử V. Xét thấy, căn cứ vào điểm d khoản 2 của Điều 106, Điều 195 của Luật Đất đai và Điều 79 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 thì việc cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thủ tục hành chính trong giao dịch dân sự không mang tính chất quyết định hành chính cá biệt. Khi giải quyết không đưa cơ quan có thẩm quyền cấp giấy tham gia tố tụng và không cần tuyên hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét về yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong trường hợp này là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Tại cấp phúc thẩm bà N không cung cấp được chứng cứ mới chứng minh bà là con nuôi của ông Lê Nguyên N1 và bà Lê Thị B hợp pháp nên không có căn cứ để xem xét. Vì vậy, đơn kháng cáo của bà Lê Thị N không có căn cứ để chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do không được chấp nhận kháng cáo nên bà Lê Thị N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Lê Thị N; Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 162/2023/DS-ST ngày 31 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

[2]. Điều luật áp dụng: Căn cứ khoản 3 và khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39; các Điều 38, 270, 271, 273, 293; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, đoạn 4 khoản 3 Điều 296; các Điều 147, 148, 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 649; Điều 650; Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 26, Điều 27, Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[3]. Tuyên xử: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị N về việc:

- Phân chia di sản thừa kế của bà Lê Thị B theo quy định của pháp luật, di sản thừa kế của bà Lê Thị B là một phần hai quyền sử dụng đất và tài sản trên đất đối với thửa đất số 24, tờ bản đồ số 49, diện tích 1141m2 theo Giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 783336, số vào sổ CH-05474 do UBND thành phố B cấp ngày 12/01/2010.

- Hủy văn bản phân chia di sản thừa kế đã được Phòng C1, tỉnh Đắk Lắk công chứng số 00423, quyển số 01TP/CC-SCC/HĐ ngày 20/02/2013.

- Hủy Hợp đồng tặng cho Quyền sử dụng đất đã được Phòng C1, tỉnh Đắk Lắk công chứng số 00790, quyển số 01TP/CC-SCC/HĐ ngày 29/3/2013.

- Hủy Hợp đồng tặng cho Q sử dụng đất được Phòng công chứng số 01, tỉnh Đắk Lắk công chứng số 00789 quyển số 01/TP/CC-SCC/HĐ ngày 29/3/2013.

- Hủy Hợp đồng tặng cho Quyền sử dụng đất được Phòng C1, tỉnh Đắk Lắk công chứng số 00788, quyển số 01TP/CC-SCC/HĐ ngày 29/3/2013.

[4]. Về án phí:

[4.1].Về án phí DSST:

Bà L Thị N phải chịu số tiền 7.450.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ số tiền 3.700.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số AA/2022/0001835 ngày 28/4/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột. Bà L Thị N còn phải nộp số tiền 3.750.000 đồng.

[4.2].Về án phí DSPT: Bà Lê Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số AA/2022/0004424 ngày 12/9/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDCC Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Tp. Bt;
- Chi cục THADS Tp. B;
- Đương sự;
- Cổng thông tin điện tử TA;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Đinh Thị Tuyết